

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 – 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 – 05 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán | 06 – 36 |
| Bảng cân đối kế toán | 06 – 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 09 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 – 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 12 – 36 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn HAPACO”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| Ông Vũ Dương Hiền | Chủ tịch | |
| Ông Vũ Xuân Thủy | Phó Chủ tịch | |
| Ông Vũ Xuân Thịnh | Ủy viên | |
| Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Ủy viên | |
| Ông Vũ Xuân Cường | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Đức Hậu | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Văn Hương | Ủy viên | (Bổ nhiệm ngày 05/04/2014) |
| Ông Bùi Đức Thống | Ủy viên | (Miễn nhiệm ngày 05/04/2014) |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|--------------------|-------------------|
| Ông Vũ Xuân Cường | Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Xuân Thịnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Ba | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Hậu | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Toàn | Trưởng Ban | |
| Bà Trần Tiểu Phụng | Thành viên | |
| Bà Cao Thị Thúy Lan | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 05/04/2014) |
| Bà Trần Thị Hằng | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 05/04/2014) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tập đoàn HAPACO.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Tập đoàn HAPACO xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tập đoàn HAPACO.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

TS. Vũ Dương Hiền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------|--|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 233.121.236.675 | 451.296.353.383 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 175.616.374 | 44.325.587.502 |
| 111 | 1. Tiền | | 175.616.374 | 44.325.587.502 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 48.939.951.208 | 274.738.836.453 |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | | 48.940.229.450 | 274.739.141.895 |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (278.242) | (305.442) |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 182.726.116.280 | 130.610.951.615 |
| 131 | 1. Phải thu khách hàng | | 1.225.746.196 | 1.572.557.196 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 14.356.693.524 | 13.408.283.562 |
| 135 | 3. Các khoản phải thu khác | 5 | 169.146.348.994 | 117.632.783.291 |
| 139 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (2.002.672.434) | (2.002.672.434) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.279.552.813 | 1.620.977.813 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.494.976 | 1.494.976 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 65.911 | 65.911 |
| 158 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | 6 | 1.277.991.926 | 1.619.416.926 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 606.021.513.657 | 574.308.864.049 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 309.767.630.299 | 251.367.988.829 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 7 | 279.542.888 | 361.047.399 |
| 222 | - Nguyên giá | | 796.235.000 | 796.235.000 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (516.692.112) | (435.187.601) |
| 230 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 8 | 309.488.087.411 | 251.006.941.430 |
| 250 | II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 9 | 296.253.883.358 | 322.940.875.220 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 256.226.220.713 | 256.226.220.713 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | - | 80.094.782.919 |
| 258 | 3. Đầu tư dài hạn khác | | 112.334.251.523 | 40.775.251.523 |
| 259 | 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (72.306.588.878) | (54.155.379.935) |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 839.142.750.332 | 1.025.605.217.432 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------|--|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 299.409.330.300 | 494.618.111.503 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 159.938.667.646 | 399.997.878.503 |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 10 | 64.245.391.296 | 306.960.000.000 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 11.814.246.480 | 29.829.911.893 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 1.459.574.621 | 1.459.574.621 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 3.681.399.431 | 695.109.190 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | | 361.213.857 | 424.353.888 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 12 | 3.980.473.149 | 2.829.105.678 |
| 319 | 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 13 | 74.396.368.812 | 57.799.823.233 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 139.470.662.654 | 94.620.233.000 |
| 334 | 1. Vay và nợ dài hạn | 14 | 139.470.662.654 | 94.620.233.000 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 539.733.420.032 | 530.987.105.929 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 15 | 539.733.420.032 | 530.987.105.929 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 322.601.220.000 | 322.601.220.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 126.320.828.671 | 126.320.828.671 |
| 414 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (4.570.790.000) | (4.570.790.000) |
| 417 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 44.271.598.932 | 44.271.598.932 |
| 418 | 5. Quỹ dự phòng tài chính | | 4.528.042.732 | 4.528.042.732 |
| 420 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 46.582.519.697 | 37.836.205.594 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 839.142.750.332 | 1.025.605.217.432 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|----------------------|------------|------------|
| I. Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 1.055,7 | 1.058,5 |



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

011
CƠ
CH
NG
A
24N

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|
| | | | VND | VND |
| 1 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 10 | 2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 11 | 3. Giá vốn hàng bán | | - | - |
| 20 | 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 21 | 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 16 | 69.700.292.643 | 43.492.566.576 |
| 22 | 6. Chi phí tài chính | 17 | 36.437.711.772 | 18.705.793.515 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 9.277.979.015 | 460.460.278 |
| 25 | 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18 | 8.942.500.116 | 6.624.182.833 |
| 30 | 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 24.320.080.755 | 18.162.590.228 |
| 31 | 10. Thu nhập khác | 19 | 3.712.348.112 | 6.892.046.101 |
| 32 | 11. Chi phí khác | 20 | 109.734.013 | 633.369 |
| 40 | 12. Lợi nhuận khác | | 3.602.614.099 | 6.891.412.732 |
| 50 | 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 27.922.694.854 | 25.054.002.960 |
| 51 | 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 21 | 3.124.054.751 | - |
| 60 | 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 24.798.640.103 | 25.054.002.960 |



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|--|-------------|-------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 27.922.694.854 | 25.054.002.960 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | (37.081.076.360) | (25.590.994.406) |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 81.504.511 | 121.430.808 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 18.151.181.743 | 17.179.205.084 |
| 05 | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (64.591.741.629) | (43.352.090.576) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 9.277.979.015 | 460.460.278 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (9.158.381.506) | (536.991.446) |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | | (43.916.123.808) | 21.225.435.274 |
| 11 | (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | | 5.640.675.546 | (23.165.108.204) |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | - | 583.274.666 |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (8.061.507.279) | (70.641.585) |
| 14 | Thuế TNDN đã nộp | | (1.097.274.386) | |
| 15 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 300.000.000 | 55.000.000 |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (459.809.000) | (300.000.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (56.752.420.433) | (2.209.031.295) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác | | (51.662.874.862) | (123.251.443.204) |
| 23 | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (104.286.087.555) | (270.544.000.000) |
| 24 | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 258.526.000.000 | 18.767.000.000 |
| 25 | 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (1.714.264.526) |
| 26 | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 97.953.993.081 | 37.180.000.000 |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 25.983.941.691 | 18.321.308.701 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 226.514.972.355 | (321.241.399.029) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 314.869.872.062 | 364.578.545.000 |
| 34 | 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (512.734.051.112) | (7.000.000.000) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (16.048.344.000) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (213.912.523.050) | 357.578.545.000 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

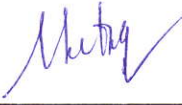
Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)


| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-------|-----------------------------------|-------------|------------------|----------------|
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (44.149.971.128) | 34.128.114.676 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 44.325.587.502 | 10.197.472.826 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 175.616.374 | 44.325.587.502 |



Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2015


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Khoa Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO được đặt tại: Tầng 5 + 6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phần). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2014 là 322.601.220.000 đồng (tương đương 32.260.122 cổ phần). Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về các Công ty con:

| Tên đơn vị | Tỷ lệ | Địa chỉ |
|--|--------|---------------------------------------|
| - Công ty TNHH HAPACO Hải Âu ⁽¹⁾ | 100% | Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng |
| - Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn ⁽²⁾ | 100% | Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái |
| - Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc ⁽³⁾ | 100% | Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình |
| - Công ty Cổ phần Hải Hà ⁽⁴⁾ | 61,54% | Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang |
| - Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P ⁽⁵⁾ | 100% | Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng |
| - Công ty TNHH HAPACO Phương Đông ⁽⁶⁾ | 100% | Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng ⁽⁷⁾ | 99,84% | Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng |
| - Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng (Đã sáp nhập vào Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn theo Quyết định số 107/QĐ-HAP ngày 14/07/2014) | 100% | Thôn Nước Mát - Âu Lâu - Yên Bái. |

Khái quát chung về các Công ty con của Tập đoàn HAPACO

- (1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2014, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất bao bì bằng gỗ; In ấn (bao gồm in giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 26.169.600.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 441A Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- (2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu); Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Giáo dục mầm non; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn (Chi tiết: In giấy vàng mã xuất khẩu); Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Trong năm 2014, Tập đoàn HAPACO đã ra Quyết định số 107/QĐ-HAP ngày 14/07/2014 về việc giải thể Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng và sáp nhập nguyên trạng Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng vào Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn. Ngày 01/08/2014, Tập đoàn HAPACO đã ra quyết định số 135/QĐ-HAP về việc thành lập Xí nghiệp Giấy Âu Lâu trực thuộc Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn. Theo đó, toàn bộ tài sản tài chính, nguồn vốn, đất đai, lao động, các quyền và nghĩa vụ hợp pháp khác của Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng đã được bàn giao cho Xí nghiệp Giấy Âu Lâu.

Vốn điều lệ giấy đăng ký kinh doanh số 5200189376 thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012 của Công ty là 11.000.000.000 VND. Tuy nhiên, Vốn đầu tư của Chủ sở hữu thực tế của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 18.086.500.000 VND. Đến thời điểm 31/12/2014, do việc chưa hoàn tất thủ tục sáp nhập Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng với các Cơ quan chức năng tại địa phương, Công ty chưa được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số nhà 826, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- (3) Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/07/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 09 năm 2013, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 7.238.119.565 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km18, Quốc lộ 15A, Xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình.

011
CÓN
NHIE
G KI
AA
KIEN

- (4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03/06/2013, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).
Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 31/12/2014 là 13.000.000.000 đồng; Trong đó, Tập đoàn HAPACO góp 8.000.000.000 đồng tương đương 61% vốn điều lệ của Công ty. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật Doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Nam Quang, Xã Vĩnh Tuy, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

- (5) Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004447 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/10/2012 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2014 là 155.630.855.217 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17 Quốc lộ 5, Thôn Tiên Nông, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- (6) Công ty TNHH HAPACO Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010 với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 đường Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH HAPACO Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH HAPACO Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- (7) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh

doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.132.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 6.132.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 135 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng:

- Theo Hợp đồng mua cổ phần và Hợp tác đầu tư ngày 19/12/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/04/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng với số tiền là 5.025.922,99 USD theo tỷ giá Ngân hàng Vietcombank công bố tại ngày thanh toán, tương đương 105.921.327.014 đồng. Tập đoàn HAPACO đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm lãi hoạt động chuyển nhượng nêu trên là 25.826.544.095 đồng, chi phí hoạt động chuyển nhượng nêu trên là 3.848.551.014 đồng.
- Trong tháng 11 năm 2013, Tập đoàn HAPACO thực hiện vay Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) số tiền là 12.000.000 USD; tương đương 252.960 triệu đồng với lãi suất là 2,75%/năm, thời hạn vay 12 tháng và thực hiện gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Do đó, doanh thu hoạt động tài chính về lãi tiền gửi và chi phí hoạt động tài chính về lãi tiền vay trong năm 2014 tăng mạnh so với năm 2013.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN HAPACO

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn HAPACO áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính (riêng) này nên đọc các Báo cáo tài chính (riêng) này kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tập đoàn HAPACO nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tập đoàn HAPACO không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm là: 15.040.547.858 đồng tương đương 62% chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn HAPACO phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tập đoàn HAPACO không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tập đoàn HAPACO và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn HAPACO sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn HAPACO (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân

hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn HAPACO được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.17. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn HAPACO hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn HAPACO, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn HAPACO, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn HAPACO mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn HAPACO, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, viên chức của Tập đoàn HAPACO, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Tập đoàn HAPACO liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 30.650.278 | 62.637.667 |
| Tiền gửi ngân hàng | 144.966.096 | 44.262.949.835 |
| | 175.616.374 | 44.325.587.502 |

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 363.842 | 363.842 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 48.939.865.608 | 274.738.778.053 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng ⁽¹⁾ | 40.686.087.555 | 263.585.000.000 |
| - Cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng vay ⁽²⁾ | 6.253.778.053 | 6.253.778.053 |
| - Cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà vay | - | 900.000.000 |
| - Cho Công ty TNHH MTV HAPACO Đông Bắc vay ⁽³⁾ | 2.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (278.242) | (305.442) |
| | 48.939.951.208 | 274.738.836.453 |

⁽¹⁾ Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng cụ thể như sau:

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 15.12.2014EIB-HAPACO ngày 15/12/2014 với điều khoản chi tiết:

- Số tiền gửi: 18.265.087.555 đồng;
- Lãi tiền gửi: 4,8%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38.13.251.1165545.TG ngày 10/04/2013 và Phụ lục Hợp đồng tiền gửi số 38.13.251.1165545.PLTG ngày 10/04/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết:

- Số tiền gửi: 8.000.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 7%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 18.08.2014EIB-HAPACO ngày 18/08/2014 tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền gửi: 14.421.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 6,8%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.
- Tài khoản tiền gửi tiết kiệm được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014 và Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng ngày 11/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 14).

⁽²⁾ Hợp đồng vay vốn số 30.12/2009/HAP-HĐVV ngày 30/12/2009 với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 30.12/2009/HAP-HĐVV-PL2; 30.12/2009/HAP-HĐVV-PL3 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 7.353.778.053 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: Tối đa 12 tháng và gia hạn đến ngày 31/12/2015 theo phụ lục số 02;
- Lãi suất vay: 0%;
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng vay vốn số 01.1107/HĐCV-HAP ngày 11/07/2013 với Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc:

- Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: Tối đa 12 tháng và gia hạn đến ngày 11/07/2015 theo phụ lục số 01;
- Lãi suất vay: 9%/năm;
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 (Đã điều chỉnh) |
|--|------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn | 5.807.845.933 | 6.111.015.626 |
| Các khoản phải thu khác ⁽¹⁾ | 163.338.503.061 | 111.521.767.665 |
| | 169.146.348.994 | 117.632.783.291 |

(1) Chi tiết các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2014 là

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 (Đã điều chỉnh) |
|---|------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Hải Phòng | 18.682.504.970 | 18.682.504.970 |
| Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO | 18.717.714.897 | 18.717.714.897 |
| Hợp đồng hợp tác đầu tư ^(*) | 97.207.885.000 | 65.054.885.000 |
| Phải thu của Công ty Cổ phần Hapaco HPP | 5.544.603.028 | 5.544.603.028 |
| Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | 8.932.976.550 | - |
| Phải thu công nợ cá nhân | 9.873.100.000 | - |
| Phải thu Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế Green | 1.042.829.782 | - |
| Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt | 1.331.708.968 | 966.399.968 |
| Các khoản phải thu khác | 2.005.179.866 | 2.555.659.802 |
| | 163.338.503.061 | 111.521.767.665 |

(*) Theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 06 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO thì Tập đoàn HAPACO chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO để cùng hợp tác đầu tư tối đa là 100 tỷ đồng vào mục đích hợp tác do hai bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Lũy kế đến thời điểm 31/12/2014, Tập đoàn HAPACO đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Đầu tư - Kinh doanh số tiền là 97.207.885.000 đồng.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 354.884.323 | 396.309.323 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 649.631.319 | 649.631.319 |
| Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 273.476.284 | 573.476.284 |
| | 1.277.991.926 | 1.619.416.926 |

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 490.904.545 | 200.000.000 | 105.330.455 | 796.235.000 |
| Số tăng trong năm | - | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 490.904.545 | 200.000.000 | 105.330.455 | 796.235.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 178.634.693 | 159.999.990 | 96.552.918 | 435.187.601 |
| Số tăng trong năm | 32.726.964 | 40.000.010 | 8.777.537 | 81.504.511 |
| - <i>Khấu hao trong năm</i> | <i>32.726.964</i> | <i>40.000.010</i> | <i>8.777.537</i> | <i>81.504.511</i> |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 211.361.657 | 200.000.000 | 105.330.455 | 516.692.112 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 312.269.852 | 40.000.010 | 8.777.537 | 361.047.399 |
| Tại ngày cuối năm | 279.542.888 | - | - | 279.542.888 |

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 305.330.455 đồng

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 (Đã điều chỉnh) |
|--|------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 299.517.156.502 | 241.036.010.521 |
| - Dự án Nhà máy điện Phiêng Côn Sơn La | 100.000.000 | 100.000.000 |
| - Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng ⁽¹⁾ | 299.417.156.502 | 240.936.010.521 |
| - Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ ⁽²⁾ | 8.412.508.611 | 8.412.508.611 |
| - Nhà máy giấy Hải Hà | 1.558.422.298 | 1.558.422.298 |
| | 309.488.087.411 | 251.006.941.430 |

⁽¹⁾ Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng có tổng dự toán 299,7 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2014, Dự án đã hoàn thiện cơ bản các hạng mục chính. Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green được thành lập với chức năng quản lý bệnh viện đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/04/2014 và chính thức khai trương đi vào hoạt động ngày 02/11/2014 với năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/11/2014 đến ngày 31/12/2015. Giai đoạn từ ngày 02/11/2014 đến ngày 31/12/2014 Công ty chưa hoạt động trọng yếu, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành các thủ tục góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green.

(2) Là chi phí triển khai của các Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ, hiện Tập đoàn đang tạm dừng dự án này và tìm phương án xử lý phù hợp với quy hoạch phát triển của Thành phố.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 (Đã điều chỉnh) |
|--|-------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào công ty con | 256.226.220.713 | 256.226.220.713 |
| Công ty TNHH HAPACO Hải Âu | 30.643.720.000 | 30.643.720.000 |
| Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn | 19.266.156.000 | 12.179.656.000 |
| Công ty Cổ phần Hải Hà | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Công ty TNHH HAPACO Phương Đông | 10.984.455.931 | 10.984.455.931 |
| Công ty TNHH MTV HAPACO Đông Bắc | 7.238.119.565 | 7.238.119.565 |
| Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng | 24.462.914.000 | 24.462.914.000 |
| Công ty Cổ phần HAPACO HPP | 155.630.855.217 | 155.630.855.217 |
| Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng | - | 7.086.500.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | - | 80.094.782.919 |
| Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng | - | 80.094.782.919 |
| Đầu tư dài hạn khác | 112.334.251.523 | 40.775.251.523 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | 23.624.251.523 | 23.624.251.523 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cho cá nhân vay | 110.000.000 | 151.000.000 |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn ⁽¹⁾ | 71.600.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn ^(*) | (72.306.588.878) | (54.155.379.935) |
| | 296.253.883.358 | 322.940.875.220 |

(*) Chi tiết Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| - Công ty Cổ phần Hải Hà | (650.444.125) | (1.094.692.080) |
| - Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng | (6.878.566.685) | (5.942.890.719) |
| - Công ty Cổ phần HAPACO HPP | (53.741.117.329) | (35.131.119.054) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO | (2.632.023.751) | (2.683.206.902) |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | (8.404.436.988) | (9.303.471.180) |
| | (72.306.588.878) | (54.155.379.935) |

(1) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 12 tháng theo sổ tiết kiệm ngày 06/05/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền gửi: 71.600.000.000 đồng;
- Lãi suất gửi: 7,43%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 24 tháng.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | TL biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--------------------------------------|----------------------------|---------------|---------------|----------------------------|
| Công ty TNHH HAPACO Hải Âu | Hải Phòng | 100% | 100% | Sản xuất giấy |
| Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn | Yên Bái | 100% | 100% | Sản xuất giấy |
| Công ty Cổ phần TM Dịch vụ Hải Phòng | Hải Phòng | 99,84% | 99,84% | Kinh doanh thương mại |
| Công ty Cổ phần Hải Hà | Hà Giang | 62% | 62% | Sản xuất giấy |
| Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc | Hòa Bình | 100% | 100% | Trồng rừng, sản xuất giấy |
| Công ty TNHH HAPACO Phương Đông | Hải Phòng | 100% | 100% | Sản xuất bột giấy |
| Công ty Cổ phần HAPACO HPP | Hải Phòng | 100% | 100% | Sản xuất giấy |

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | 252.960.000.000 |
| - Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái | - | 252.960.000.000 |
| Vay cá nhân (*) | 58.358.805.000 | 27.900.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 5.886.586.296 | 26.100.000.000 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | 26.100.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 14) | 5.886.586.296 | - |
| | 64.245.391.296 | 306.960.000.000 |

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

(*) Các khoản vay cá nhân tại thời điểm 31/12/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7,7%/ năm;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện đầu tư Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế và bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2014 là 58.358.805.000 đồng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.450.184.835 | 423.404.470 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.012.011.273 | 52.501.397 |
| Các loại thuế khác | 219.203.323 | 219.203.323 |
| | 3.681.399.431 | 695.109.190 |

Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả | 3.868.295.903 | 2.651.824.167 |
| - Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng | 2.030.000.000 | 2.030.000.000 |
| - Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | 320.040.736 | - |
| - Lãi vay phải trả Ngân hàng Thế Hoa Quốc Thái | - | 405.982.500 |
| - Lãi vay phải trả cá nhân | 1.518.255.167 | 215.841.667 |
| Chi phí phải trả khác | 112.177.246 | 177.281.511 |
| | 3.980.473.149 | 2.829.105.678 |

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 41.012.384 | 28.778.392 |
| Cổ tức phải trả cổ đông | 3.982.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (*) | 74.351.374.428 | 57.771.044.841 |
| | 74.396.368.812 | 57.799.823.233 |

(*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | 13.632.539.478 | 13.632.539.478 |
| Phải trả Công ty TNHH HAPACO Phương Đông | 3.539.458.529 | 3.539.458.529 |
| Phải trả Công ty TNHH HAPACO Hải Âu | 40.166.217.667 | 22.595.214.745 |
| Phải trả Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn | - | 669.023.450 |
| Phải trả Công ty CP HAPACO HPP do bàn giao nhà máy giấy | 4.104.223.056 | 4.398.199.941 |
| Phải trả Công ty CP HAPACO HPP do bàn giao nhà máy giấy | 9.668.037.887 | 9.668.037.887 |
| Phải trả phải nộp khác | 3.240.897.811 | 3.268.570.811 |
| | 74.351.374.428 | 57.771.044.841 |

14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn ngân hàng | 139.470.662.654 | 94.620.233.000 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | 94.620.233.000 |
| - Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*) | 139.470.662.654 | - |
| | 139.470.662.654 | 94.620.233.000 |

(*) Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014 và Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng ngày 11/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 163.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư cho dự án xây dựng Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green;
- Lãi suất vay: Áp dụng cho từng lần giãn ngân là lãi suất cho vay do Ngân hàng Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;

- Thời hạn vay: 102 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên;
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tài khoản tiền gửi số 160365484000266 trị giá 14.421.000.000 đồng; Tài sản hình thành trong tương lai: Toàn bộ công trình, vật kiến trúc là tòa nhà chính 09 tầng và các công trình phụ trợ trên diện tích 11.460,1 m² đất thuê tại 738 Nguyễn Văn Linh, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2014 là 145.357.248.950 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 5.886.586.296 đồng.



15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH | | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | | Cộng |
|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | | | | | VND | VND | |
| Số dư đầu năm trước | 280.752.610.000 | 168.169.438.671 | (4.570.790.000) | 44.271.598.932 | 4.528.042.732 | 12.782.202.634 | 505.933.102.969 | VND | 505.933.102.969 |
| Tăng vốn trong năm trước | 41.848.610.000 | (41.848.610.000) | - | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | - | 25.054.002.960 | - | 25.054.002.960 |
| Số dư cuối năm trước | 322.601.220.000 | 126.320.828.671 | (4.570.790.000) | 44.271.598.932 | 4.528.042.732 | 37.836.205.594 | 530.987.105.929 | VND | 530.987.105.929 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | - | 24.798.640.103 | - | 24.798.640.103 |
| Trả cổ tức bằng tiền mặt (*) | - | - | - | - | - | - | (16.052.326.000) | - | (16.052.326.000) |
| Số dư cuối năm này | 322.601.220.000 | 126.320.828.671 | (4.570.790.000) | 44.271.598.932 | 4.528.042.732 | 46.582.519.697 | 539.733.420.032 | VND | 539.733.420.032 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/NQ-HAP ngày 05/04/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HAP ngày 23/05/2014, Tập đoàn HAPACO chi trả cổ tức đợt I năm 2013 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là 12/06/2014, ngày thanh toán cổ tức là 11/07/2014.



Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/NQ-HAP ngày 05/04/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HAP ngày 23/05/2014, Tập đoàn HAPACO chi trả cổ tức đợt I năm 2013 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%/cổ phần như sau:

| | Tỷ lệ % | Số tiền VND |
|--|------------|----------------|
| Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2013 | 100% | 25.054.002.960 |
| Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 đồng). | 64% | 16.052.326.000 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2014 VND | Tỷ lệ % | 01/01/2014 VND | Tỷ lệ % |
|-------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| Vốn góp của Ông Vũ Dương Hiền | 21.629.060.000 | 6,71% | 21.629.060.000 | 6,71% |
| Cổ phiếu quỹ | 1.554.700.000 | 0,48% | 1.554.700.000 | 0,48% |
| Vốn góp của đối tượng khác | 299.417.460.000 | 92,81% | 299.417.460.000 | 92,81% |
| Cộng | 322.601.220.000 | 100% | 322.601.220.000 | 100% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 322.601.220.000 | 322.601.220.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 322.601.220.000 | 280.752.610.000 |
| - <i>Vốn góp tăng trong năm</i> | - | 41.848.610.000 |
| - <i>Vốn góp giảm trong năm</i> | - | - |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 322.601.220.000 | 322.601.220.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 16.052.326.000 | 41.848.610.000 |
| - <i>Chia cổ tức bằng tiền</i> | 16.052.326.000 | - |
| - <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng</i> | - | 41.848.610.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 32.260.122 | 32.260.122 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 32.260.122 | 32.260.122 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 32.260.122 | 32.260.122 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 155.470 | 155.470 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 155.470 | 155.470 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 32.104.652 | 32.104.652 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 32.104.652 | 32.104.652 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 44.271.598.932 | 44.271.598.932 |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 4.528.042.732 | 4.528.042.732 |
| | 48.799.641.664 | 48.799.641.664 |

30/11
CỘNG
HỘI
CHÍNH
HẢI PHÒNG
K
A/
K

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 24.613.748.548 | 2.862.042.750 |
| Lãi từ chuyển nhượng cổ phần (*) | 25.826.544.095 | 23.410.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 18.000.000.000 | 17.080.047.826 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.260.000.000 | 20.476.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | - | 120.000.000 |
| | 69.700.292.643 | 43.492.566.576 |

(*) Lợi nhuận từ chuyển nhượng 7.597.600 cổ phiếu đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng mua cổ phần và hợp tác đầu tư ngày 19/12/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng ngày 16/04/2014.

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 9.277.979.015 | 460.460.278 |
| Chi phí chuyển nhượng cổ phần | 3.848.551.014 | - |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | 782.000.000 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 5.160.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 18.151.181.743 | 17.462.355.084 |
| Chi phí tài chính khác | - | 978.153 |
| | 36.437.711.772 | 18.705.793.515 |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 8.003.000 | 10.479.839 |
| Chi phí nhân công | 4.097.283.195 | 3.149.006.343 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 81.504.511 | 121.430.808 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.584.176.403 | 330.306.753 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (283.150.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.810.463.336 | 1.952.362.373 |
| Chi phí khác bằng tiền | 361.069.671 | 1.343.746.717 |
| | 8.942.500.116 | 6.624.182.833 |

19. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu từ bán thanh lý Công cụ dụng cụ | 35.286.000 | - |
| Thu nhập từ sử dụng nhãn hiệu HAPACO | 3.638.062.112 | 6.861.975.533 |
| Thu nhập khác | 39.000.000 | 30.070.568 |
| | 3.712.348.112 | 6.892.046.101 |

20. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-----------------------|--------------------|----------------|
| | VND | VND |
| Lãi chậm nộp bảo hiểm | 15.055.604 | - |
| Chi phí khác | 94.678.409 | 633.369 |
| | 109.734.013 | 633.369 |

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i> | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 27.922.694.854 | 25.054.002.960 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 4.277.554.014 | - |
| - Tăng từ chi phí không hợp lệ để tính thuế | 4.277.554.014 | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (18.000.000.000) | (25.054.002.960) |
| - Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN | (18.000.000.000) | (17.080.047.826) |
| - Chuyển lỗ từ năm trước | - | (7.973.955.134) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 22%) | 14.200.248.868 | - |
| Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 25%) | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.124.054.751 | - |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | 423.404.470 | 423.404.470 |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | (1.097.274.386) | - |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động Kinh doanh | 2.450.184.835 | 423.404.470 |

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | 31/12/2014 | | 01/01/2014 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 175.616.374 | - | 44.325.587.502 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 170.372.095.190 | (2.002.672.434) | 119.205.340.487 | (2.002.672.434) |
| Các khoản cho vay | 120.649.865.608 | - | 274.889.778.053 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 363.842 | (278.242) | 363.842 | (305.442) |
| Đầu tư dài hạn | 40.624.251.523 | (11.036.460.739) | 40.624.251.523 | (11.986.678.082) |
| | 331.822.192.537 | (13.039.411.415) | 479.045.321.407 | (13.989.655.958) |



| | Giá trị sổ kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 203.716.053.950 | 401.580.233.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 86.210.615.292 | 87.629.735.126 |
| Chi phí phải trả | 3.980.473.149 | 2.829.105.678 |
| | 293.907.142.391 | 492.039.073.804 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tập đoàn HAPACO chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2014 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 175.616.374 | - | - | 175.616.374 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 168.369.422.756 | - | - | 168.369.422.756 |
| Các khoản cho vay | 48.939.865.608 | 71.710.000.000 | - | 120.649.865.608 |
| Đầu tư ngắn hạn | 85.600 | - | - | 85.600 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | 29.587.790.784 | 29.587.790.784 |
| Cộng | 217.484.990.338 | 71.710.000.000 | 29.587.790.784 | 318.782.781.122 |
| Tại ngày 01/01/2014 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 44.325.587.502 | - | - | 44.325.587.502 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 117.202.668.053 | - | - | 117.202.668.053 |
| Các khoản cho vay | 274.738.778.053 | 151.000.000 | - | 274.889.778.053 |
| Đầu tư ngắn hạn | 58.400 | - | - | 58.400 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | 28.637.573.441 | 28.637.573.441 |
| Cộng | 436.267.092.008 | 151.000.000 | 28.637.573.441 | 465.055.665.449 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2014 | | | | |
| Vay và nợ | 64.245.391.296 | 71.726.030.336 | 67.744.632.318 | 203.716.053.950 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 86.210.615.292 | - | - | 86.210.615.292 |
| Chi phí phải trả | 3.980.473.149 | - | - | 3.980.473.149 |
| | 154.436.479.737 | 71.726.030.336 | 67.744.632.318 | 293.907.142.391 |
| Tại ngày 01/01/2014 | | | | |
| Vay và nợ | 306.960.000.000 | 94.620.233.000 | - | 401.580.233.000 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 87.629.735.126 | - | - | 87.629.735.126 |
| Chi phí phải trả | 2.829.105.678 | - | - | 2.829.105.678 |
| | 397.418.840.804 | 94.620.233.000 | - | 492.039.073.804 |

Tập đoàn HAPACO cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn HAPACO có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23. THÔNG TIN KHÁC

Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn HAPACO được miễn giảm từ năm 1998 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa trong năm 2011. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2014, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa do thị trường không thuận lợi nên chưa tìm được đối tác phù hợp. Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá trị đã đầu tư của HAPACO.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO chưa góp vốn vào Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green.

Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

| Công ty nhận vốn đầu tư | Cam kết góp vốn | Vốn thực góp đến 31/12/2014 |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green | 360.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P | 120.432.000.000 | 155.630.855.217 |
| Công ty TNHH HAPACO Phương Đông | 30.000.000.000 | 10.984.455.931 |
| Cộng | 510.432.000.000 | 166.615.311.148 |

Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201450471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/04/2014. Công ty TNHH bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green được thành lập với chức năng quản lý bệnh viện đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/04/2014 và chính thức khai trương đi vào hoạt động ngày 02/11/2014 với năm tài chính đầu tiên từ ngày 02/11/2014 đến ngày 31/12/2015. Giai đoạn từ ngày 02/11/2014 đến ngày 31/12/2014 Công ty chưa hoạt động trọng yếu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21/11/2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn HAPACO là 500.003 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2014, Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp là 322.601 triệu đồng.

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Thông Báo phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 15/01/2015 Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chào bán 19.262.791 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Trong đó, chào bán 16.052.326 cổ phần với giá chào bán 6.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Phát hành thêm 3.210.465 cổ phần tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ phát hành là 10:1.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn HAPACO là đầu tư tài chính, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Đồng thời, toàn bộ các hoạt động này được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn HAPACO không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cũng như khu vực địa lý.

0111
CÔNG
CHÍNH
NG KI
AA
KIẾN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

| | Mối quan hệ | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|---------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu phí thương hiệu | | | |
| Công ty TNHH Hapaco Hải Âu | Công ty con | 2.744.085.227 | 2.494.767.974 |
| Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn | Công ty con | 893.976.885 | 570.987.681 |
| Mua dịch vụ | | | |
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng | Công ty con | 61.950.000 | - |
| Lãi cho vay | | | |
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng | Công ty con | - | 314.426.063 |
| Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Công ty con | 310.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Hải Hà | Công ty con | 60.575.000 | - |
| Lãi vay phải trả | | | |
| Ông Vũ Dương Hiền | Chủ tịch HĐQT | 3.773.551.399 | 178.583.333 |
| Cổ tức lợi nhuận được chia | | | |
| Công ty TNHH Hapaco Hải Âu | Công ty con | 8.000.000.000 | 5.233.920.000 |
| Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Công ty con | 10.000.000.000 | - |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

| | Mối quan hệ | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|------------------|-------------------|-------------------|
| Phải thu | | | |
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng | Công ty con | 3.882.752.225 | 3.860.752.225 |
| Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Công ty con | 8.932.976.550 | - |
| Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng | Công ty liên kết | - | 346.811.000 |
| Công ty Cổ phần HAPACO HPP | Công ty con | 5.544.603.028 | 5.544.603.028 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO | Bên liên quan | 115.925.599.897 | 83.772.599.897 |
| Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco | Bên liên quan | 18.682.504.970 | 18.682.504.970 |
| Phải trả | | | |
| Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Công ty con | - | 669.023.450 |
| Công ty TNHH HAPACO Phương Đông | Công ty con | 3.539.458.529 | 3.539.458.529 |
| Công ty TNHH HAPACO Hải Âu | Công ty con | 40.166.217.667 | 22.595.214.745 |
| Công ty Cổ phần HAPACO HPP | Công ty con | 9.668.037.887 | 9.668.037.887 |
| Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn | Công ty con | 4.104.223.056 | 4.398.199.941 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | | |
| Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng | Công ty con | 6.253.778.053 | 6.253.778.053 |
| Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà | Công ty con | - | 900.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Công ty con | 2.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn | | | |
| Ông Vũ Dương Hiền | Chủ tịch HĐQT | 58.358.805.000 | 27.900.000.000 |



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT | 2.540.085.966 | 2.449.654.065 |

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

| | Mã số | Phân loại lại | Đã trình bày trên báo cáo năm trước |
|---|-------|-----------------|-------------------------------------|
| | | VND | VND |
| a/ Bảng Cân đối kế toán | | | |
| - Các khoản phải thu khác | 135 | 117.632.783.291 | 116.666.383.323 |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 251.006.941.430 | 256.057.724.349 |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 80.094.782.919 | 75.976.000.000 |
| - Trả trước cho người bán | 132 | 13.408.283.562 | 12.476.283.562 |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | - | (966.399.968) |



Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Hằng

Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

